TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 219/2018/HS-PT
Ngày: 13-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Chính;

Bà Lê Thị Thúy Bình.

***Thư ký phiên toà*:** Ông Đỗ Ngọc Chuyền, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội*:** Ông Phạm Ngọc Vỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 13/4/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 849/2017/HSPT ngày 07/11/2017 do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Bích Đ và Lê Chí H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 324/2017/HS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- *Các bị cáo có kháng cáo:*

1. Nguyễn Bích Đ (tên gọi khác Q), sinh năm 1973 tại Hà Nội; nơi ĐKNKTT: Số A, phường M, quận H, Thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Số V, phường V, quận H, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông: Nguyễn Văn M và bà: Nguyễn Thị T (đều đã chết); bị cáo có chồng: Đặng Văn T1 sinh năm 1967 và có 03 con; con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2016 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Chí H, sinh năm 1979 tại Hà Nội; nơi ĐKNKTT: Tập thể C, quận H, Thành phố Hà Nội; nơi ở hiện nay: Số 2 hẻm 122/10/52 Vĩnh Tuy; quận H, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp trước khi bị khởi tố: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông:

Lầy Chí S sinh năm 1957 và bà: Bùi Thị H sinh năm 1957; vợ: Trần Hoài T (đã ly hôn); bị cáo có hai con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Tháng 12/2014 và tháng 2/2015 bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2016 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Bích Đ:* Bà Đinh Thị T, Luật sư Công ty TNHH một thành viên B, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Chí H:* Bà Đỗ Thị Thao H, Luật sư Công ty luật G, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ 40 ngày 02/12/2016, Công an phường Bưởi, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội kiểm tra Lê Chí H trước nhà V, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; phát hiện trong túi áo khoác của Lê Chí H hai gói nilon màu trắng bên trong chứa các hạt tinh thể màu trắng nghi là ma túy, có trọng lượng 99,870 gam và hai điện thoại di động, 123.600.000đ cùng một xe máy hiệu PIAGGIO biển kiểm soát 29T1 - 153.10. Lê Chí H khai nhận hai gói bị thu giữ là ma túy đá H mới mua của Nguyễn Bích Đ (tức Q) với giá 34 triệu đồng để sử dụng dần.

Mở rộng điều tra, Công an quận Tây Hồ kiểm tra thu giữ của Nguyễn Bích Đ một túi nilon bên trong chứa 12 túi nilon nhỏ, trong mỗi túi nilon nhỏ chứa các hạt tinh thể màu trắng; ba túi nilon chứa các hạt tinh thể, có tổng trọng lượng 795,380 gam.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Bích Đ tại số 130, ngõ 179 phường V, quận H, Thành phố Hà Nội, thu giữ 1.273 viên nén hình tròn và hình tam giác, cân nặng 362,980 gam; hai túi nilon bên trong chứa 37 túi nilon nhỏ, trong các túi nilon nhỏ chứa các hạt tinh thể màu trắng, cân nặng 1.426,080 gam; 400 túi nilon chưa sử dụng; ba cóng thủy tinh tự tạo, một đĩa sứ, một thẻ nhựa, năm điện thoại di động và 445 triệu đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 957/KLGĐ-PC54 ngày 15/02/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an Thành phố Hà Nội kết luận: Tinh thể màu trắng trong 15 túi nilon đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng trọng lượng 795,380 gam; 290 viên nén hình tròn đều là ma túy loại MDMA, tổng trọng lượng 93,480 gam; 30 túi nilon chứa tinh thể màu trắng đều là ma túy loại

Methamphetamine, tổng trọng lượng 149,750 gam; 48 viên nén hình tròn màu xanh đều là ma túy loại MDMA, tổng trọng lượng 14,480 gam; 30 viên nén hình tròn màu trắng đục đều là ma túy loại MDMA, tổng trọng lượng 7,580 gam; 60 viên nén hình tròn màu trắng đục là ma túy loại MDMA, tổng trọng lượng 15,840 gam; 55 viên nén hình tròn màu trắng đục đều là ma túy loại MDMA, tổng trọng lượng15,880 gam; 130 viên nén hình tròn màu trắng đục đều là ma túy loại MDMA, tổng trọng lượng 73,720 gam; 100 viên nén hình tròn màu trắng đục đều là ma túy loại MDMA, tổng trọng lượng 27,800 gam; 80 viên nén hình tam giác màu xanh đều là ma túy loại MDMA, tổng trọng lượng 20,380 gam; tinh thể màu trắng bên trong bảy túi nilon đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng trọng lượng 347,760 gam; tinh thể màu trắng bên trong một túi nilon là ma túy loại Methamphetamine, tổng trọng lượng 928,570 gam; một đĩa sứ, một thẻ nhựa có dính ma túy Ketamine; hai bộ coóng tự tạo đều dính ma túy loại Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số 7382/KLGĐ-PC54 ngày 30/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hà Nội kết luận: Tinh thể màu trắng trong hai túi nilon thu của Nguyễn Chí H đều là ma túy loại Methamphetamine, tổng trọng lượng 99,870 gam.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyễn Bích Đ khai nhận: Qua mối quan hệ xã hội, khoảng tháng 11/2016 Đ có quen một người phụ nữ tự giới thiệu tên là N (không rõ địa chỉ) rủ Đ buôn ma túy từ Lạng Sơn về Hà Nội bán kiếm lời để trả nợ; Đ đồng ý. Ngày 20/11/2016, Nguyễn Bích Đ lên Lạng Sơn và hẹn gặp N tại chợ Đồng Đăng; N dẫn Đ vào trong chợ gặp một người đàn ông Trung Quốc và nhận của người này một túi nilon màu đen bên trong có chứa ma túy gồm thuốc lắc và ma túy đá. N dặn Đ giá từng loại ma túy, đồng thời bảo Đ mang về bán, khi nào bán xong sẽ lên trả tiền và được lấy tiếp, số tiền lãi Đ và Ngọc sẽ chia đôi. Sau khi lấy được ma túy, Đ mang toàn bộ số ma túy về nhà, hôm sau Đ mở ra kiểm tra thấy bên trong có nhiều túi nilon kích thước khác nhau chứa các hạt tinh thể màu trắng và nhiều túi nilon bên trong chứa các viên nén hình tròn và hình tam giác, ngoài ra còn có hai cóong tự tạo, một túi nilon màu vàng dán kín và nhiều túi nilon kích thước khác nhau. Nguyễn Bích Đ không nói cho chồng, con biết và chia số ma túy ra cất giấu ở tầng 1 và tầng 2 ngôi nhà.

Ngày 21/11/2016, Đ gặp một đối tượng tên là C không rõ địa chỉ. Đ nhờ C tìm người mua ma túy; C nhận lời và đã dẫn ba người đến nhà Đ để thử ma túy nhưng không mua; khoảng 14 giờ 30 ngày 02/12/2016 Lê Chí H gọi điện cho Đ

hỏi mua một lạng ma túy đá và thỏa thuận giá 34 triệu đồng; khoảng 15 giờ H đi xe máy đến nhà Đ; Đ đưa cho H hai túi ma túy đá và nhận 34 triệu đồng.

Lê Chí H khai nhận: H quen C ở quán nước gần cầu Vĩnh Tuy; biết H có nhu cầu mua ma túy về sử dụng nên C đã cho H số điện thoại của Đ để liên hệ mua ma túy; ngày 02/12/2016 H điện thoại cho Đ hỏi mua ma túy, H đặt mua một lạng ma túy vào thỏa thuận giá 34 triệu đồng; sau đó H đi xe máy đến nhà Đ đưa tiền cho Đ và nhận hai gói ma túy đựng trong hai túi nilon, H cho ma túy vào túi ngực áo khoác; khi về đến khu vực phố Võ Thị Sáu, quận H, Hà Nội thì bị kiểm tra bắt giữ.

Kiểm tra điện thoại của Nguyễn Bích Đ có nhiều tin nhắn từ số A, B, C, D đến số máy của Đ. Tuy nhiên, kết quả xác minh các số điện thoại B, C chưa đăng ký thông tin thuê bao; số điện thoại D chủ thuê bao mang tên Nguyễn Việt Y, sinh năm 1981, số CMND Z không có trong cơ sở dữ liệu tàng thư căn cước công dân của Công an tỉnh Bắc Kạn. Số điện thoại C chủ thuê bao mang tên Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1992, trú tại A, phường P, quận H, Hà Nội nhưng Diệp hiện không có mặt tại địa phương.

Kiểm tra điện thoại của Lê Chí H có tin nhắn từ số G; H khai số điện thoại trên của một người tên Meo không rõ địa chỉ nhờ H mua ma túy nhưng chưa mua; xác minh số điện thoại trên chủ thuê bao mang tên Bùi Phúc Lâm, sinh năm 1952, số CMND X không có trong cơ sở dữ liệu quản lý tàng thư căn cước của Công an tỉnh Hòa Bình.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 324/2017/HS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; xử phạt Nguyễn Bích Đ tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Chí H 13 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 01/12/2017).

Ngoài ra Bản án còn xử lý vật chứng, buộc nghĩa vụ nộp án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/10/2017, Bị cáo Nguyễn Bích Đ và ngày 10/10/2017 bị cáo Lê Chí H có đơn kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm xử phạt nặng nên xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày:

- Bị cáo Đ trình bày: Bị cáo thừa nhận cấp sơ thẩm kết án bị cáo là đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên khi Cơ quan Công an đến nhà bị cáo đã tự mình chỉ chỗ cất dấu ma túy; bị cáo có bố tham gia kháng chiến bị hy sinh (tuy chưa được công nhận là liệt sỹ) nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ.

- Bị cáo H trình bày: Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo là quá nặng vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Lần đầu phạm tội; khi bị bắt bị cáo đã hợp tác và khai nhận ra hành vi phạm tội của bị cáo Đ; ông nội và bà nội của bị cáo là những người có công với nước nên được tặng thưởng huân chương kháng chiến. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đ theo điểm e khoản 4 và bị cáo H theo điểm m khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa bị cáo Đ trình bày bố bị cáo là liệt sỹ nhưng chưa được cấp có thẩm quyền công nhận, cũng không có tài liệu gì để chứng minh; hơn nữa, số lượng ma túy bị cáo mua bán đặc biệt lớn nên không có cơ sở để giảm nhẹ hình phạt.

Đối với bị cáo H cấp sơ thẩm đã vận dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xuất trình huân chương kháng chiến của ông Thắng, bà Thanh nhưng khó xác định được mối quan hệ đối với bị cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Đ trình bày bào chữa: Qua thẩm vấn công khai tại phiên tòa có thêm một số tình tiết mới như: Bị cáo Đ đã đầu thú thể hiện bị cáo tự nguyện giao nộp ma túy cho Công an; Bị cáo thực hiện tội phạm với vai trò đồng phạm không bỏ tiền ra để mua mà chỉ bán ma túy để hưởng chênh lệch; bố bị cáo tham gia kháng chiến và bị hy sinh với 12 chiến sỹ khác tại Lâm Đồng; tuy không có tài liệu để công nhận liệt sỹ nhưng mong Hội đồng xét xử xem xét để chấp nhận, có thể hoãn phiên tòa để Luật sư giúp bị cáo thu thập thêm tài liệu cung cấp cho Hội đồng xét xử xem xét, hoặc chấp nhận để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo H trình bày: Về tội danh Luật sư không tranh luận gì. Tuy nhiên, khi bị bắt bị cáo đã khai ra hành vi mua bán ma túy của bị cáo Đ; bị cáo lần đầu bị đưa ra xét xử, mẹ bị cáo có nhiều thành tích trong quá trình hoạt động ở địa phương nên được tặng nhiều giấy khen, ông nội và bà nội

của bị cáo được tặng huân chương kháng chiến. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo để giảm hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Bích Đ, Lê Chí H đã khai nhận hành vi như bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của những người làm chứng, các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Đặc biệt là biên bản bắt người phạm tội quả tang, các kết luận giám định. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận: Nguyễn Bích Đ đã nhận ma túy về, ngày 02/12/2017 bán lại cho Lê Chí H nhằm mục đích hưởng chênh lệch; bị cáo Lê Chí H mua ma túy về cất dấu để sử dụng dần. Hành vi đó của bị cáo Nguyễn Bích Đ đã phạm vào tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và Lê Chí H đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; tội phạm được quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội; bị cáo Đ tuy nhận thức rõ được tác hại của chất ma túy, nhưng do hám lời, nhằm kiếm tiền bằng con đường bất hợp pháp nên sẵn sàng thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo H biết được tác hại của ma túy nhưng vẫn mua về cất dấu sử dụng. Hành vi đó của các bị cáo không những xâm phạm đến chính sách độc quyền của nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội; ma túy là nguồn gốc lây lan các căn bệnh xã hội; là nguyên nhân dẫn đến bao gia đình tan nát và là mầm mống của các loại tội phạm, nên cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo thấy rằng: Bị cáo Đ mua bán các chất ma túy ở thể rắn với số lượng đặc biệt lớn (2.684,310 gam) nên cấp sơ thẩm áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật. Khi xét xử cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt tử hình bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị hoãn phiên tòa để thu thập thêm tài liệu chứng minh bị cáo là con liệt sỹ. Tuy nhiên, theo bị cáo hiện tại bố bị cáo chưa được công nhận là liệt sỹ nên không thể có tài liệu để thu thập. Vì vậy, đề nghị của Luật sư không có căn cứ để chấp nhận, cũng như không có căn cứ để

chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với bị cáo Lê Chí H, cấp sơ thẩm áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194 để xử phạt bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại các phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn và thực sự ăn năn hối cải; khi bị bắt giữ bị cáo đã tự nguyện khai nhận ra hành vi mua bán ma túy đối với bị cáo Đ, tích cực giúp đỡ các cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện điều tra tội phạm giải quyết được triệt để vụ án, nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét áp dụng nên cần ghi nhận để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Hơn nữa, ông nội của bị cáo là Lê Bội Thắng và bà nội của bị cáo là Hoàng Thị Thanh là những người có công với nước nên đã được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Vì vậy, cần xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị là có căn, thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo là chưa phù hợp.

[4] Bị cáo được chấp nhận kháng cáo không phải nộp án phí; bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a, b Khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Bích Đ; chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Chí H; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 324/2017/HS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội;

Áp dụng điểm e khoản 4 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Bích Đ (tên gọi khác Q) tử hình về tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án. Trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Đ có quyền làm đơn gửi Chủ tịch Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

Áp dụng điểm m khoản 2 Điều 194; điểm p, q khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự; phạt bị cáo Lê Chí H 11 (mười một) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Bích Đ phải nộp 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm; bị cáo Lê Chí H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số: 324/2017/HS-ST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKS cấp cao tại Hà Nội;
- VKS TP. Hà Nội;
- PV27; PC81 công an TP Hà Nội;
- Trại Tạm giam CA TP Hà Nội;
- Toà án TP Hà Nội;
- Sở tư pháp TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các bị cáo (qua Trại tạm giam);
- Lưu: HS; HCTP..

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Thái Duy Nhiệm